|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  ĐỀ MINH HỌA | **KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2020 - 2021**  **ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**  **Môn: Ngữ văn, lớp 12**  *(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm .... trang)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **3,0** |
|  | **1** | - Nội dung chính bàn về xu hướng thần tượng lệch lạc đáng báo động trong giới trẻ  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,75 điểm.*  *- Học sinh không trả lời đúng phương thức* “nghị luận”*: không cho điểm* | 0,75 |
| **2** | - Hậu quả : khiến bạo lực học đường gia tăng. ; sẽ góp phần làm tăng các vụ án nghiêm trọng về cả mức độ lẫn số lượng  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Trả lời như đáp án: 0,75 điểm.*  *-*Nếu học sinh trích dẫn nguyên câu văn: *0,75 điểm*. | 0,75 |
| **3** | - Nguyên nhân: do thiếu hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và pháp luật, đua đòi theo đám đông, tâm lý tò mò, thích nổi loạn để khẳng định bản thân, không ý thức được hậu quả...  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời được 3 ý: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời được 2 ý: 0,75 điểm.*  *- Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm.* | 1,0 |
| **4** | - Học sinh trả lời ngắn gọn rõ ý theo quan điểm cá nhân  - Học sinh giải thích hợp lí, tránh lối diễn đạt chung chung hoặc sáo rỗng  (hiện tượng giang hồ mạng thường gắn liền với hành vi bạo lực và các tệ nạn xã hội khác; từ đó sẽ kích động giới trẻ adua, học đòi dùng bạo lực để giải quyết các mâu thuẫn, hoặc khẳng định bản thân,...)  ***Hướng dẫn chấm:***  *-**Học sinh trình bày thuyết phục: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trình bày chưa thuyết phục: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **7,0** |
|  | **1** | **Viết một đoạn văn về chủ đề :*lẽ sống đẹp cho giới trẻ ngày nay*** | **2,0** |
| *a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn*  Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  *-Lẽ sống đẹp của giới trẻ* | 0,25 |
| *c. Triển khai vấn đề cần nghị luận*  Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ  Có thể theo hướng sau:  - Giải thích được *lẽ sống đẹp* là gì (tuân theo các chuẩn mực đạo đức pháp luật, phát huy được năng lực sở trường của bản thân, sống nhân hậu, sống có ích,..)  - Bàn luận được về vai trò, giá trị của lẽ sống đẹp :  + Sống đẹp mang lại hạnh phúc cho bản thân và những điều tốt đẹp cho người thân, bạn bè, đồng nghiệp, cộng đồng nói chung (dẫn chứng..)  + Sống đẹp không đồng nghĩa với một cuộc sống giàu có dùng tiền bạc để làm từ thiện nhằm đánh bóng tên tuổi , hay một cuộc sống nổi tiếng mà tai tiếng,... (dẫn chứng..)  - Rút ra được bài học cho bản thân – làm thế nào để hình thành nếp sống đẹp.  ***Hướng dẫn chấm:***  - *Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm).*  - *Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).*  - *Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).*  *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.* | 0,75 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lí; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.*  - *Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  - *Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| **2** | **Cảm nhận về hình tượng sóng trong đoạn thơ.** | **5,0** |
| *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  *Mở bài* nêu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Hình tượng sóng trong đoạn thơ.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| **I.Mở bài:**  - Giới thiệu khái quát tác giả Xuân Quỳnh và tác phẩm “Sóng”.  - Nêu vấn đề cần nghị luận.  **II. Thân bài**  **\* Khái quát về tác phẩm và hình tượng ẩn dụ Sóng**  **1.Luận điểm 1: Cảm nhận về đoạn thơ**  **\*. Nỗi nhớ nhung da diết trong tình yêu ( khổ 5)**  **-** Khổ thơ tập trung diễn tả nỗi nhớ trong tình yêu của chính tác giả. Sóng dù “dưới lòng sâu” hay con sóng “trên mặt nước” đều có chung một nỗi nhớ đó là “nhớ bờ”.  - Sóng hiện thân trái tim người con gái khi yêu vô cùng mãnh liệt,biểu hiện qua nỗi nhớ nhung người yêu tựa như những con sóng liên tiếp đang xô vào bờ.  - Người con gái phải yêu thương, nhớ nhung nhiều lắm mới thể hiện cảm xúc “Ôi con sóng nhớ bờ”.  - Nỗi nhớ đó thường trực cả ngày lẫn đêm, xâm chiếm tâm trí người con gái đến cả khi chìm vào giấc mơ “cả trong mơ còn thức”  => Khổ thơ tập trung diễn tả nỗi nhớ da diết, mãnh liệt của người con gái khi yêu. Từ đó thể hiện quan niệm của nhà thơ về tình yêu: tình yêu là tình cảm mãnh liệt, chân thành, tự nhiên và xuất phát từ trái tim mỗi người.  **\*. Sự thủy chung trong tình yêu - Lời bộc lộ trực tiếp về tình yêu**  **( khổ 6) -**  - Con sóng dù có xuôi về phương Bắc hay phương Nam cách xa, trắc trở về địa lý nhưng có điểm chung đều hướng vào bờ. Cách nói ngược “xuôi bắc”, “ ngược nam”-> sự khó khăn thử thách trong tình yêu.. Hình ảnh sóng vỗ vào bờ tựa như người con gái vượt qua nhiều khó khăn, trắc trở để hướng đến tình yêu, một lòng thủy chung sắc son.  - Thủy chung là đức tính quý báu của người con gái Việt Nam và nhà thơ Xuân Quỳnh nguyện một lòng chung thủy suốt đời.  - Chính sự thủy chung sẽ giúp người con gái vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để đến với tình yêu đích thực.  **2. Luận điểm 2: *Nhận xét*** ***về vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu***  -Bộc lộ một tình yêu đắm say, nồng nàn, mãnh liệt, chân thành  - Luôn hướng tới một tình yêu thủy chung, son sắt  - Luôn có một niềm tin sâu sắc trong tình yêu.  **\* Khái quát chung:** Bài thơ đã thể hiện nổi bật vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu: chân thành, say đắm, nồng nàn, mãnh liệt, thủy chung, trong sáng, cao thượng. Nó vừa mang nét đẹp tình yêu của người phụ nữ Việt Nam truyền thống, vừa có nét táo bạo, chủ động đến với tình yêu của người phụ nữ Việt Nam hiện đại.  **III. Kết bài**  Khẳng định lại giá trị của khổ thơ 5, 6 : Đọc “Sóng” của Xuân Quỳnh, người đọc dường như thêm trân trọng tình yêu. Và dù người phụ nữ của Xuân Quỳnh trong tình yêu có mạnh mẽ đến đâu, họ vẫn giữ gìn được những vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ xưa | 0.25  0.5  2.5  0.5  0.25 |
| **I.Mở bài:**  - Giới thiệu khái quát tác giả Xuân Quỳnh và tác phẩm “Sóng”.  - Nêu vấn đề cần nghị luận.  **II. Thân bài**  **\* Khái quát về tác phẩm và hình tượng ẩn dụ Sóng**  **1.Luận điểm 1: Cảm nhận về đoạn thơ**  **\*. Nỗi nhớ nhung da diết trong tình yêu ( khổ 5)**  **-** Khổ thơ tập trung diễn tả nỗi nhớ trong tình yêu của chính tác giả. Sóng dù “dưới lòng sâu” hay con sóng “trên mặt nước” đều có chung một nỗi nhớ đó là “nhớ bờ”.  - Sóng hiện thân trái tim người con gái khi yêu vô cùng mãnh liệt,biểu hiện qua nỗi nhớ nhung người yêu tựa như những con sóng liên tiếp đang xô vào bờ.  - Người con gái phải yêu thương, nhớ nhung nhiều lắm mới thể hiện cảm xúc “Ôi con sóng nhớ bờ”.  - Nỗi nhớ đó thường trực cả ngày lẫn đêm, xâm chiếm tâm trí người con gái đến cả khi chìm vào giấc mơ “cả trong mơ còn thức”  => Khổ thơ tập trung diễn tả nỗi nhớ da diết, mãnh liệt của người con gái khi yêu. Từ đó thể hiện quan niệm của nhà thơ về tình yêu: tình yêu là tình cảm mãnh liệt, chân thành, tự nhiên và xuất phát từ trái tim mỗi người.  **\*. Sự thủy chung trong tình yêu - Lời bộc lộ trực tiếp về tình yêu**  **( khổ 6) -**  - Con sóng dù có xuôi về phương Bắc hay phương Nam cách xa, trắc trở về địa lý nhưng có điểm chung đều hướng vào bờ. Cách nói ngược “xuôi bắc”, “ ngược nam”-> sự khó khăn thử thách trong tình yêu.. Hình ảnh sóng vỗ vào bờ tựa như người con gái vượt qua nhiều khó khăn, trắc trở để hướng đến tình yêu, một lòng thủy chung sắc son.  - Thủy chung là đức tính quý báu của người con gái Việt Nam và nhà thơ Xuân Quỳnh nguyện một lòng chung thủy suốt đời.  - Chính sự thủy chung sẽ giúp người con gái vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để đến với tình yêu đích thực.  **2. Luận điểm 2: *Nhận xét*** ***về vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu***  -Bộc lộ một tình yêu đắm say, nồng nàn, mãnh liệt, chân thành  - Luôn hướng tới một tình yêu thủy chung, son sắt  - Luôn có một niềm tin sâu sắc trong tình yêu.  **\* Khái quát chung:** Bài thơ đã thể hiện nổi bật vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu: chân thành, say đắm, nồng nàn, mãnh liệt, thủy chung, trong sáng, cao thượng. Nó vừa mang nét đẹp tình yêu của người phụ nữ Việt Nam truyền thống, vừa có nét táo bạo, chủ động đến với tình yêu của người phụ nữ Việt Nam hiện đại.  **III. Kết bài**  Khẳng định lại giá trị của khổ thơ 5, 6 : Đọc “Sóng” của Xuân Quỳnh, người đọc dường như thêm trân trọng tình yêu. Và dù người phụ nữ của Xuân Quỳnh trong tình yêu có mạnh mẽ đến đâu, họ vẫn giữ gìn được những vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ xưa | 0.25  0.5  2.5  0.5  0.25 |
| **I.Mở bài:**  - Giới thiệu khái quát tác giả Xuân Quỳnh và tác phẩm “Sóng”.  - Nêu vấn đề cần nghị luận.  **II. Thân bài**  **\* Khái quát về tác phẩm và hình tượng ẩn dụ Sóng**  **1.Luận điểm 1: Cảm nhận về đoạn thơ**  **\*. Nỗi nhớ nhung da diết trong tình yêu ( khổ 5)**  **-** Khổ thơ tập trung diễn tả nỗi nhớ trong tình yêu của chính tác giả. Sóng dù “dưới lòng sâu” hay con sóng “trên mặt nước” đều có chung một nỗi nhớ đó là “nhớ bờ”.  - Sóng hiện thân trái tim người con gái khi yêu vô cùng mãnh liệt,biểu hiện qua nỗi nhớ nhung người yêu tựa như những con sóng liên tiếp đang xô vào bờ.  - Người con gái phải yêu thương, nhớ nhung nhiều lắm mới thể hiện cảm xúc “Ôi con sóng nhớ bờ”.  - Nỗi nhớ đó thường trực cả ngày lẫn đêm, xâm chiếm tâm trí người con gái đến cả khi chìm vào giấc mơ “cả trong mơ còn thức”  => Khổ thơ tập trung diễn tả nỗi nhớ da diết, mãnh liệt của người con gái khi yêu. Từ đó thể hiện quan niệm của nhà thơ về tình yêu: tình yêu là tình cảm mãnh liệt, chân thành, tự nhiên và xuất phát từ trái tim mỗi người.  **\*. Sự thủy chung trong tình yêu - Lời bộc lộ trực tiếp về tình yêu**  **( khổ 6) -**  - Con sóng dù có xuôi về phương Bắc hay phương Nam cách xa, trắc trở về địa lý nhưng có điểm chung đều hướng vào bờ. Cách nói ngược “xuôi bắc”, “ ngược nam”-> sự khó khăn thử thách trong tình yêu.. Hình ảnh sóng vỗ vào bờ tựa như người con gái vượt qua nhiều khó khăn, trắc trở để hướng đến tình yêu, một lòng thủy chung sắc son.  - Thủy chung là đức tính quý báu của người con gái Việt Nam và nhà thơ Xuân Quỳnh nguyện một lòng chung thủy suốt đời.  - Chính sự thủy chung sẽ giúp người con gái vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để đến với tình yêu đích thực.  **2. Luận điểm 2: *Nhận xét*** ***về vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu***  -Bộc lộ một tình yêu đắm say, nồng nàn, mãnh liệt, chân thành  - Luôn hướng tới một tình yêu thủy chung, son sắt  - Luôn có một niềm tin sâu sắc trong tình yêu.  **\* Khái quát chung:** Bài thơ đã thể hiện nổi bật vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu: chân thành, say đắm, nồng nàn, mãnh liệt, thủy chung, trong sáng, cao thượng. Nó vừa mang nét đẹp tình yêu của người phụ nữ Việt Nam truyền thống, vừa có nét táo bạo, chủ động đến với tình yêu của người phụ nữ Việt Nam hiện đại.  **III. Kết bài**  Khẳng định lại giá trị của khổ thơ 5, 6 : Đọc “Sóng” của Xuân Quỳnh, người đọc dường như thêm trân trọng tình yêu. Và dù người phụ nữ của Xuân Quỳnh trong tình yêu có mạnh mẽ đến đâu, họ vẫn giữ gìn được những vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ xưa | 0.25  0.5  2.5  0.5  0.25 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của thơ Xuân Quỳnh; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  - *Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  - *Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

..........................Hết............................